Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0511.91.20

Mã HS	0511.91.20
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm động vật khác chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; động vật chết thuộc Chương 1 hoặc Chương 3, không thích hợp sử dụng cho người / - Loại khác: / - - Sản phẩm từ cá hoặc động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác; động vật đã chết thuộc Chương 3: / - - - Trứng Artemia (trứng Brine shrimp)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 22:16:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/05119120/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K964
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N964
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q964
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E955
ATIGA	2022	2022	0	AT!E956
ATIGA	2023	2023	0	AT!F956
ATIGA	2024	2024	0	AT!G956
ATIGA	2025	2025	0	AT!H956
ATIGA	2026	2026	0	AT!I956
ATIGA	2027	2027	0	AT!J956
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E958
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F958
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G958
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H958

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I958
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J958
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E960
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F960
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G960
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H960
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I960
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J960
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F962
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H957
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F958
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G958
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H958
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I958
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J958
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K958
VKFTA	2022	2022	0	VK!E956
VKFTA	2023	2023	0	VK!F956
VKFTA	2024	2024	0	VK!G956
VKFTA	2025	2025	0	VK!H956
VKFTA	2026	2026	0	VK!I956
VKFTA	2027	2027	0	VK!J956
VCFTA	2022	2022	0	VC!D967
VCFTA	2023	2023	0	VC!E967
VCFTA	2024	2024	0	VC!F967
VCFTA	2025	2025	0	VC!G967

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H967
VCFTA	2027	2027	0	VC!I967
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D964
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E964
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F964
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G964
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H964
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I964
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D973
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E973
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F973
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G973
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H973
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I973
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D957
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E957
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F957
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G957
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H957
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I957
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D959
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E959
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F959
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G959
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H959
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I959

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D957
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E957
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F957
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G957
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H957
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I957
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J957
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D960
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E960
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F960
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G960
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H960
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I960
RCEP B	2022	2022	0	B!D960
RCEP B	2023	2023	0	B!E960
RCEP B	2024	2024	0	B!F960
RCEP B	2025	2025	0	B!G960
RCEP B	2026	2026	0	B!H960
RCEP B	2027	2027	0	B!I960
RCEP C	2022	2022	0	C!D960
RCEP C	2023	2023	0	C!E960
RCEP C	2024	2024	0	C!F960
RCEP C	2025	2025	0	C!G960
RCEP C	2026	2026	0	C!H960
RCEP C	2027	2027	0	C!I960
RCEP D	2022	2022	0	D!D960

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E960
RCEP D	2024	2024	0	D!F960
RCEP D	2025	2025	0	D!G960
RCEP D	2026	2026	0	D!H960
RCEP D	2027	2027	0	D!I960
RCEP E	2022	2022	0	E!D960
RCEP E	2023	2023	0	E!E960
RCEP E	2024	2024	0	E!F960
RCEP E	2025	2025	0	E!G960
RCEP E	2026	2026	0	E!H960
RCEP E	2027	2027	0	E!I960
RCEP F	2022	2022	0	F!D960
RCEP F	2023	2023	0	F!E960
RCEP F	2024	2024	0	F!F960
RCEP F	2025	2025	0	F!G960
RCEP F	2026	2026	0	F!H960
RCEP F	2027	2027	0	F!I960
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F927
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G927
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H927
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I927

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VIFTA 2,9%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (0%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 0%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0511.91 có 4 dòng thuế; dòng 0511.91.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Trứng Artemia (trứng Brine shrimp).	0511.91.10 Sẹ và bọc trứng; 0511.91.30 Da cá; 0511.91.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0511.91.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 0511.91.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N964), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.